

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 418/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Anh Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Ngọc;
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.*

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 663/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc: “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Kim O, sinh năm: 1970; địa chỉ: Số 06 Đường 42, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 302/5 đường Nguyễn Thị R, ấp X, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)
2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 10 Đường 17, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 07/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Kim O trình bày:* Bà với ông Huỳnh Văn D tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1996, đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số R0013, quyền số 01/96 ngày 05/02/1996. Sau khi kết hôn, bà cùng ông D sinh sống tại xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Suốt quá trình 25 năm sống chung với nhau bà và ông D luôn bất hòa cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau về quan điểm nuôi dạy con cái, ông D dành thời gian nhiều đánh cờ tướng không lo lắng cho gia đình và trong cuộc sống dẫn đến không nói chuyện với nhau trong nhiều năm nay.

Hiện vợ chồng bà không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Vì con cái còn nhỏ nên bà cố gắng để con cái học hành nay con bà đã khôn lớn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên là Huỳnh Ngọc Thảo V, sinh năm: 1996 và Huỳnh Ngọc Cát T, sinh năm: 2003; các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Sổ hộ khẩu, thẻ căn cước công dân (bản sao); giấy đăng ký kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của con (bản sao); đơn khởi kiện (bản chính); bản tự khai (bản chính).

Ông Huỳnh Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[1.2] Ông Huỳnh Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim O với ông Huỳnh Văn D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số R0013, quyển số 01/96 ngày 05/02/1996 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của bà O xin ly hôn với ông D là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà O thì mâu thuẫn giữa bà với ông D là trầm trọng và không thể hàn gắn do bà và ông D không hiểu nhau, có khác biệt về quan điểm sống, ông D không lo chăm sóc gia đình.

Ông D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà O với ông D không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai bên không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Con chung: Bà O với ông D có 02 con chung tên là Huỳnh Ngọc Thảo V, sinh năm: 1996 và Huỳnh Ngọc Cát T, sinh năm: 2003; 02 con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung: Bà O xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Nghĩa vụ dân sự chung: Ghi nhận lời khai của bà O vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn: Bà O phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Kim O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim O được ly hôn với ông Huỳnh Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số R0013, quyển số 01/96 ngày 05/02/1996 đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp cho ông D, bà O không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Huỳnh Ngọc Thảo Vy, sinh năm: 1996 và Huỳnh Ngọc Cát Tường, sinh năm: 2003; 02 con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi).

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Trần Kim O phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0043250 ngày 05/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã nộp đủ án phí dân sự dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà O có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.  
(12 bản)

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Anh Đạt**